

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Số 09 | Tháng 9 Năm 2024



GLOBAL VIETNAM
LAWYERS

NỘI DUNG CHÍNH

✚ CẬP NHẬT QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT MỚI NHẤT

1. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng bởi Bảo số 3.
2. Quy định mới về xây dựng công trình, dự án trên đất trồng lúa.
3. Quy định về khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

✚ BÀI VIẾT

Suất đầu tư – ngưỡng cửa chọn lọc hay rào cản đầu tư?

✚ GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC

1. Lập hóa đơn đối với hàng ủy thác xuất khẩu.
2. Xác định thuế suất thuế giá trị gia tăng khi xuất hóa đơn thanh lý tài sản nhà máy.
3. Xuất hóa đơn thuế giá trị gia tăng đối với khoản tiền gửi có kỳ hạn.
4. Kê khai tính thuế thu nhập cá nhân của lao động nước ngoài.

✚ ĐỌC BÁO GIÚP BẠN

1. Đề nghị bổ sung doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp 18%.
2. Đề xuất nghỉ tết Nguyên đán Ất Tỵ 9 ngày.

✚ DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

1. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng bởi Bão số 3

Trước những thiệt hại nặng nề do Bão số 3 (Yagi) gây ra, nhằm kịp thời hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn, khôi phục lại sản xuất kinh doanh, Chính phủ và các bộ ngành đã ban hành các văn bản chỉ đạo tập trung khắc phục hậu quả Bão số 3 và mưa lũ sau bão. Trong đó, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, xem xét miễn giảm lãi vay, tiếp tục cho vay mới để khôi phục sản xuất kinh doanh sau bão; giảm, hoãn, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí; hỗ trợ người lao động... là những giải pháp đang được triển khai nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp bị thiệt hại do Bão số 3 gây ra.

1.1 Chính sách hỗ trợ lãi suất, khoan nợ, giãn nợ, tiếp tục cho vay

Ngày 09/9/2024, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã ban hành Công văn số 7417/NHNN-TD yêu cầu các tổ chức tín dụng chỉ đạo các chi nhánh, phòng giao dịch chủ động rà soát, tổng hợp thiệt hại của khách hàng đang vay vốn để kịp thời áp dụng các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho khách hàng với các biện pháp như: cơ cấu lại thời hạn trả nợ, xem xét miễn giảm lãi vay, tiếp tục cho vay mới khôi phục sản xuất, kinh doanh sau bão theo các quy định hiện hành; thực hiện xử lý nợ đối với khách hàng bị thiệt hại về vốn vay theo quy định của pháp luật.

Tiếp sau đó, tại Công điện số 92/CĐ-TTg ("Công điện số 92") ngày 10/9/2024, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Thống đốc NHNN chỉ đạo các tổ chức tín dụng, các ngân hàng thương mại chủ động rà soát, tổng hợp thiệt hại của khách hàng đang vay vốn, kịp thời áp dụng các chính sách hỗ trợ lãi suất, khoan nợ, giãn nợ, tiếp tục cho vay để người dân, doanh nghiệp có điều kiện khôi phục sản xuất kinh doanh.

1.2 Chính sách gia hạn, miễn, giảm thuế

Tại Công điện số 92, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng Bộ Tài chính chỉ

đạo tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách giãn hoãn, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí... đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp bị thiệt hại do bão, mưa lũ theo quy định của pháp luật.

Theo đó, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 92, Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 4062/TCT-CS ngày 13/9/2024 hướng dẫn các giải pháp hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp bị tổn thất do Bão số 3 và mưa lũ sau bão như sau:

a. Gia hạn nộp thuế: người nộp thuế (NNT) bị thiệt hại vật chất, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh do bị thiệt hại vật chất do gặp thiên tai được xem xét gia hạn nộp thuế một phần hoặc toàn bộ tiền thuế phải nộp trên cơ sở đề nghị của NNT. Số tiền thuế được gia hạn nộp thuế là số tiền thuế nợ tính đến thời điểm NNT gặp thiên tai nhưng không vượt quá giá trị vật chất bị thiệt hại sau khi trừ các khoản được bồi thường, bảo hiểm theo quy định (nếu có). Thời gian gia hạn nộp thuế không quá 02 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế. (Điều 62 của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Điều 24.3(a) của Thông tư số 80/2021/TT-BTC)

b. Miễn tiền chậm nộp thuế: NNT thuộc trường hợp phải nộp tiền chậm nộp được miễn tiền chậm nộp trong trường hợp bị thiệt hại vật chất do gặp thiên tai. Theo

- đó, số tiền chậm nộp được miễn là số tiền chậm nộp còn nợ tại thời điểm xảy ra thiên tai và không vượt quá giá trị vật chất bị thiệt hại sau khi trừ các khoản được bồi thường, bảo hiểm theo quy định (nếu có). (Điều 59.8 của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Điều 23.3(a) của Thông tư số 80/2021/TT-BTC)
- c. **Miễn xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế:** NNT bị phạt tiền do vi phạm hành chính về quản lý thuế mà bị thiệt hại trong trường hợp do thiên tai gây ra thì được miễn tiền phạt. Tổng số tiền miễn phạt tối đa không quá giá trị tài sản, hàng hóa bị thiệt hại. (Điều 140.1 của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14)
- d. **Khấu trừ thuế giá trị gia tăng (GTGT) đầu vào:** thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT được khấu trừ toàn bộ, kể cả thuế GTGT đầu vào không được bồi thường của hàng hóa chịu thuế GTGT bị tổn thất do thiên tai. Cơ sở kinh doanh phải có đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh các trường hợp tổn thất không được bồi thường để khấu trừ thuế. (Điều 14.1 của Thông tư số 219/2013/TT-BTC)
- e. **Phần giá trị tổn thất do thiên tai không được bồi thường được xác định là chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):** doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với phần giá trị tổn thất do thiên tai không được bồi thường. Theo đó, phần giá trị tổn thất do thiên tai không được bồi thường được xác định bằng tổng giá trị tổn thất trừ (-) phần giá trị doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức, cá nhân khác phải bồi thường theo quy định của pháp luật. (Điều 9.2(a) của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP)
- f. **Giảm thuế tiêu thụ đặc biệt:** NNT sản xuất hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt gặp khó khăn do thiên tai, tai nạn bất ngờ được giảm thuế. Mức giảm thuế được xác định trên cơ sở tổn thất thực tế do thiên tai, tai nạn bất ngờ gây ra nhưng không quá 30% số thuế phải nộp của năm xảy ra thiệt hại và không vượt quá giá trị tài sản bị thiệt hại sau khi được bồi thường (nếu có). (Điều 9 của Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt)
- g. **Miễn, giảm thuế tài nguyên:** NNT tài nguyên gặp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ gây tổn thất đến tài nguyên đã kê khai, nộp thuế thì được xét miễn, giảm thuế phải nộp cho số tài nguyên bị tổn thất; trường hợp đã nộp thuế thì được hoàn trả số thuế đã nộp hoặc trừ vào số thuế tài nguyên phải nộp của kỳ sau. (Điều 9.1 của Luật thuế Tài nguyên)
- h. **Miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:** NNT gặp khó khăn do sự kiện bất khả kháng nếu giá trị thiệt hại về đất và nhà trên đất trên 50% giá tính thuế thì được miễn thuế. Nếu giá trị thiệt hại về đất và nhà trên đất từ 20% đến 50% giá tính thuế thì được giảm 50% số thuế phải nộp. (Điều 9.9 và Điều 10.4 của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp)
- i. **Giảm thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh:**
- Mức thuế thu nhập cá nhân được giảm tương ứng với mức độ thiệt hại nhưng không vượt quá số thuế phải nộp.
 - Mức thuế tiêu thụ đặc biệt được giảm được xác định trên cơ sở tổn thất thực tế do thiên tai, tai nạn bất ngờ gây ra nhưng không quá 30% số thuế phải nộp của năm xảy ra thiệt hại và không vượt quá giá trị tài sản bị thiệt hại sau khi được bồi thường (nếu có).

- Mức thuế tài nguyên được giảm tương ứng số tài nguyên bị tổn thất; trường hợp đã nộp thuế thì được hoàn trả số thuế đã nộp hoặc trừ vào số thuế tài nguyên phải nộp của kỳ sau.

j. Gia hạn nộp thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh: hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoạt động sản xuất, kinh doanh hoạt động trong các ngành kinh tế, lĩnh vực quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 của Nghị định 64/2024/NĐ-CP được gia hạn nộp thuế GTGT, thuế thu nhập cá nhân chậm nhất là ngày 30 /12/2024. Đối với hộ kinh doanh bị thiệt hại vật chất, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh do thiên tai (lũ lụt) được gia hạn nộp thuế không quá 02 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế. NNT không bị phạt và không phải nộp tiền chậm nộp tính trên số tiền nợ thuế trong thời gian gia hạn nộp thuế.

Như vậy, trường hợp có thiệt hại về vật chất do Bão số 3 gây ra thì NNT phải chủ

động nộp hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

1.3 Chính sách hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng bởi Bão số 3

Theo Công văn số 2038/TLĐ-QHLD ngày 10/9/2024 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, đoàn viên, người lao động (NLĐ) bị thiệt mạng do ảnh hưởng bởi Bão số 3 sẽ được hỗ trợ với mức 10 triệu đồng/người. Trường hợp, đoàn viên, NLĐ bị thương nặng phải nằm viện điều trị sẽ được hỗ trợ mức từ 01 đến 5 triệu đồng/người.

Đối với những địa phương, ngành bị ảnh hưởng trực tiếp bởi Bão số 3, tùy thuộc vào mức độ thiệt hại về tài sản (nhà cửa bị tốc mái, lũ cuốn trôi, sạt lở, nhà cửa bị hư hỏng cần sửa chữa ngay...) thì đoàn viên, NLĐ sẽ được hỗ trợ từ 01 đến 03 triệu đồng/trường hợp để khắc phục hậu quả, ổn định đời sống.

2. Quy định mới về xây dựng công trình, dự án trên đất trồng lúa

Ngày 11/9/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 112/2024/NĐ-CP (“**Nghị định 112/2024**”) quy định chi tiết về đất trồng lúa. Nghị định 112/2024 sẽ có hiệu lực từ ngày ký ban hành, tức ngày 11/9/2024, thay thế Nghị định số 35/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 62/2019/NĐ-CP (“**Nghị định 35/2015**”) và có một số quy định mới đáng chú ý liên quan đến việc xây dựng công trình, dự án trên đất trong lúa như sau:

2.1 Điều kiện xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa

Theo quy định tại Điều 3.6 và Điều 9 của Nghị định 112/2024, công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp được hiểu là *công trình phục vụ sơ chế, bảo quản nông sản; kho chứa vật tư nông nghiệp, máy móc, dụng cụ lao động; trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp*. Theo đó, diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây

dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa do Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh quy định và phải đảm bảo tuân thủ các điều kiện sau:

- Không làm ảnh hưởng đến công trình thủy lợi, công trình đê điều, giao thông nội đồng, diện tích đất trồng lúa liên kề;
- Công trình chỉ được xây dựng 01 tầng, không được xây dựng tầng hầm;

(3) Khu vực đất trồng lúa được phép xây dựng công trình phải tập trung, có diện tích tối thiểu từ 50 hecta; và

(4) Công trình phục vụ phải theo các mục đích như: phục vụ sơ chế, bảo quản nông sản; kho chứa vật tư nông nghiệp, máy móc, dụng cụ lao động; trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp.

Như vậy, chủ đầu tư muốn xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa phải đáp ứng đủ 04 điều kiện nêu trên và việc sử dụng diện tích đất xây dựng các công trình này không phải thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất và vẫn được thống kê là đất trồng lúa.

2.2 Xây dựng công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp phải có phương án sử dụng tầng đất mặt được chấp thuận

Theo quy định tại Điều 10 và Điều, 11 của Nghị định 112/2024, người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất khi xây dựng công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp phải có phương án sử dụng tầng đất mặt được UBND cấp huyện hoặc UBND cấp tỉnh (đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 02 huyện trở lên) chấp thuận. Theo đó, nội dung phương án sử dụng tầng đất mặt bao gồm: (i) Thông tin của người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa; (ii) Thông tin về diện tích đất chuyên trồng lúa đề nghị chuyển đổi; (iii) Khối lượng tầng đất mặt sau khi bóc tách; và (iv) Phương án, vị trí và mục đích sử dụng khối lượng đất mặt được bóc tách.

Phương án sử dụng tầng đất mặt được chấp thuận là thành phần hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp.

Như vậy, thủ tục xin phê duyệt phương án sử dụng tầng đất mặt là một thủ tục pháp lý độc lập trước khi người sử dụng đất nộp hồ sơ xin chuyển đổi đất trồng lúa sang các mục đích phi nông nghiệp (thay vì trước đây, phương án này chỉ cần lập, nộp và sẽ được xem xét cùng với các tài liệu còn lại trong bộ hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất).

2.3 Thời hạn thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất khi được chuyển đổi đất trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp

Nghị định 112/2024 quy định người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải thực hiện kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa và nộp một khoản tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa (trừ các công trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn Nhà nước ngoài đầu tư công) sau khi có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với thời hạn thực hiện cụ thể như sau:

- Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày nhận quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất phải gửi Bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa đến cơ quan tài nguyên và môi trường cấp huyện hoặc cơ quan tài nguyên và môi trường cấp tỉnh (đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 02 huyện trở lên) đề nghị xác định diện

tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền. Sau đó, cơ quan tài nguyên và môi trường sẽ xác định diện tích đất và chuyển sang cho cơ quan tài chính cùng cấp để xác định số tiền phải nộp.

- Trong thời hạn 30 ngày, người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thực hiện trách nhiệm nộp tiền tại cơ quan Kho bạc Nhà nước theo thông báo của cơ quan tài chính.
- Quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo của cơ quan tài chính mà người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất chưa nộp hoặc nộp chưa đủ số tiền (*trừ trường hợp bất khả kháng như bị thiệt hại vật chất do gặp thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ*) thì phải nộp thêm tiền chậm nộp bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền phải nộp.

2.4 Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp có dự án đầu tư tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao

Theo quy định tại Điều 16.2 của Nghị định 112/2024, doanh nghiệp có dự án đầu tư tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao sẽ được ngân

sách Nhà nước hỗ trợ một lần với các mức cụ thể sau đây:

- Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí đối với dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, giao thông tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao.
- Hỗ trợ tối đa 40% nhưng không quá 15 tỷ đồng/dự án để mua sắm dây chuyền, thiết bị, công nghệ, bản quyền công nghệ đối với:
 - (i) Dự án áp dụng theo quy trình sản xuất lúa giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận; dự án áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn; dự án sản xuất hữu cơ được chứng nhận; dự án liên kết sản xuất lúa theo chuỗi giá trị có diện tích 500 hecta trở lên; và
 - (ii) Dự án chế biến sản phẩm lương thực, thực phẩm; dự án sản xuất chế phẩm sinh học, chế biến nguyên liệu và sản phẩm công nghệ cao từ lúa, gạo và phụ phẩm lúa, gạo đáp ứng theo quy định pháp luật về công nghệ cao có tổng mức đầu tư từ 30 tỷ đồng trở lên.

3. Quy định về khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng

Ngày 06/9/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định 111/2024/NĐ-CP (“**Nghị định 111/2024**”) quy định về hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng. Nghị định 111/2024 sẽ có hiệu lực từ ngày 01/11/2024 và có những nội dung đáng chú ý về khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

3.1 Những thông tin được cập nhật trên hệ thống Cơ sở dữ liệu về xây dựng

Nghị định 111/2024 quy định các thông tin, dữ liệu được cập nhật lên Cơ sở dữ

liệu quốc gia về hoạt động xây dựng bao gồm:

- Thông tin quy hoạch xây dựng (*bao gồm quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị*

đôi với các thành phố trực thuộc trung ương) được cập nhật bao gồm thông tin chung liên quan đến tên đồ án quy hoạch, địa điểm, quy mô diện tích khu vực lập quy hoạch, cơ quan, tổ chức lập quy hoạch, cơ quan thẩm định, phê duyệt quy hoạch, năm phê duyệt quy hoạch; và thông tin chi tiết về các hồ sơ, văn bản về quy hoạch xây dựng, ...

- Thông tin về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng (bao gồm thông tin về dự án đầu tư xây dựng; thông tin về công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng; và thông tin về công trình xây dựng không yêu cầu lập dự án đầu tư xây dựng, chỉ yêu cầu cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng) bao gồm thông tin chung liên quan đến dự án, công trình xây dựng; các thông tin chi tiết về văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, kết quả thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật, các hồ sơ, văn bản liên quan đến dự án đầu tư, công trình xây dựng và một số hoặc các thông tin liên quan, ...
- Thông tin về định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng và các hoạt động khác liên quan đến đầu tư xây dựng.

3.2 Trách nhiệm cập nhật thông tin của chủ đầu tư

Điều 10.6(b) của Nghị định 111/2024 quy định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thực hiện thủ tục hành chính, chủ đầu tư (trừ chủ hộ gia đình đối với nhà ở riêng lẻ) phải có trách nhiệm cập nhật thông tin chi tiết về dự án đầu tư xây dựng, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng, và công trình xây dựng không yêu cầu lập dự án đầu tư xây dựng, chỉ yêu cầu cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng theo quy định.

3.3 Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về hoạt động xây dựng

Theo quy định tại các Điều 4.1, 6.3, 7.4, 12 và 15.2(b) của Nghị định 111/2024, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng được xây dựng, quản lý tập trung, thống nhất, đồng bộ từ trung ương đến địa phương là dữ liệu mở được công bố trên cổng dữ liệu quốc gia, cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng sẽ được chính thức đưa vào hoạt động, khai thác sử dụng trên toàn quốc **kể từ ngày 01/01/2026**. Do đó, các cá nhân, tổ chức được quyền khai thác, sử dụng dữ liệu mở được công bố và được khai thác bằng văn bản đối với các dữ liệu còn lại trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định với 03 hình thức khai thác: (i) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, (ii) Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, và (iii) Bảng văn bản đối với các thông tin, dữ liệu không thuộc dữ liệu mở.

3.4 Thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia có giá trị sử dụng tương đương văn bản giấy

Nghị định 111/2024 quy định dữ liệu được tra cứu, khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng có giá trị sử dụng chính thức, tương đương văn bản giấy trong các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng và là tham chiếu gốc phục vụ tra cứu, khai thác để thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan như lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng; lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; cấp giấy phép xây dựng, ... Do đó, **cơ quan quản lý Nhà nước không được yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp các giấy tờ, thông tin đã có trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng**.

GV Lawyers xin giới thiệu bài viết của Luật sư Trần Hữu Tiến có tiêu đề **“Suất đầu tư – ngưỡng cửa chọn lọc hay rào cản đầu tư?”** được đăng trên Thời báo kinh tế Sài Gòn, số 35-2024 (1.759) ngày 29/08/2024.

Suất đầu tư là khái niệm được nhắc đến nhiều trong những năm gần đây, kể từ sau thời điểm Luật Đầu tư 2020 có hiệu lực cùng với các biểu mẫu đăng ký đầu tư mới được ban hành với nội dung đề cập liên quan. Khái niệm này ban đầu tỏ ra khá xa lạ, tuy nhiên thực tiễn hoạt động đăng ký đầu tư cho thấy suất đầu tư không chỉ là khái niệm “nằm trên giấy” mà có ý nghĩa đặc thù đối với các cơ quan quản lý đầu tư khi xem xét hồ sơ đăng ký. Ở chiều hướng ngược lại, nhiều nhà đầu tư cũng gặp phải không ít bối rối, thắc mắc trong nỗ lực đáp ứng yêu cầu về suất đầu tư.

Suất đầu tư là gì?

Nhiều nhà đầu tư, trong đó gồm các nhà đầu tư nước ngoài chưa có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động đầu tư tại Việt Nam, tỏ ra bối rối với suất đầu tư, bởi lẽ các cơ quan chuyên môn về đầu tư cũng như các văn bản pháp luật chuyên ngành đầu tư hiện nay mới chỉ đề cập đến khái niệm này nhưng chưa đưa ra định nghĩa cơ bản và đầy đủ.

Các doanh nghiệp có chuyên môn lâu năm về xây dựng trong nước có lẽ may mắn hơn khi đã có thể được tiếp

cận với khái niệm tương tự từng được dùng trước đây (suất vốn đầu tư), vì vậy không xem đây là một cái gì đó quá mới. Thực tế là nội dung về suất vốn đầu tư đã xuất hiện rải rác trong một số văn bản pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, nhưng phải đợi đến Nghị định 10/2021/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, có hiệu lực từ ngày 9-2-2021 (Nghị định 10/2021/NĐ-CP), khái niệm pháp lý về suất vốn đầu tư mới chính thức xuất hiện (tại Điều 25).

Tham khảo quy định trên, trong thời gian chờ đợi một định nghĩa rõ ràng và những hướng dẫn cụ thể từ cơ quan nhà nước về suất đầu tư trong hoạt động đầu tư, hiện nay chúng ta có thể hiểu rằng suất đầu tư là tổng hợp các khoản chi phí (có thể loại trừ một số mục nhất định) mà nhà đầu tư sẽ cần phải đầu tư cho mỗi đơn vị cụ thể trong dự án đầu tư của mình, phổ biến là mét vuông hoặc mét dài, tùy quy mô và đặc thù từng dự án. Suất vốn đầu tư được nhiều người gọi vui là “đơn giá đầu tư” cũng từ đây.

Vai trò pháp lý của suất đầu tư

Từ góc độ pháp lý, có thể hiểu rằng nhà đầu tư sẽ cần căn cứ

trên suất vốn đầu tư được áp dụng để ước tính chi phí đầu tư xây dựng (tối thiểu) của dự án khi nghiên cứu tiền khả thi, nếu áp dụng (tham khảo quy định tại Điều 4 Nghị định 10/2021/NĐ-CP). Khi tính toán tổng mức đầu tư xây dựng, suất vốn đầu tư cũng có thể được sử dụng làm căn cứ áp dụng để xác định (theo khoản 3 Điều 134 Luật Xây dựng 2014).

Ngoài ra, Quyết định 510/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 19-5-2023 cũng hướng dẫn như sau: “Suất vốn đầu tư công bố tại quyết định này là một trong những cơ sở phục vụ cho việc xác định sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng, xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng ở giai đoạn chuẩn bị dự án.”

Như vậy, nếu tạm xem “suất đầu tư” là suất vốn đầu tư áp dụng tương tự cho các dự án đầu tư không phải là dự án đầu tư xây dựng, suất đầu tư sẽ là một trong những chỉ tiêu mà nhà đầu tư cần phải lưu tâm và cân nhắc khi quyết định giá trị mức đầu tư (tối thiểu) cho dự án, cũng như để nhà đầu tư trước hết xác định về năng lực, khả năng thực hiện dự án đầu tư.

Tham khảo suất đầu tư ở đâu?

Theo nguyên tắc chung, các cơ quan nhà nước sẽ ban hành và có hướng dẫn về suất đầu tư. Cụ thể trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, theo quy định tại Điều 26, Điều 40 Nghị định 10/2021/NĐ-CP và Điều 11 Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31-8-2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Bộ Xây dựng sẽ có trách nhiệm xây dựng và công bố suất vốn đầu tư xây dựng định kỳ trước ngày 31-1 hàng năm áp dụng đối với các dự án thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định 10/2021/NĐ-CP. Đến nay, suất vốn đầu tư xây dựng công trình được Bộ Xây dựng cập nhật gần nhất là tại Quyết định 510/QĐ-BXD, để áp dụng cho tám vùng địa lý cụ thể, với các thuyết minh và hướng dẫn áp dụng rõ ràng và đầy đủ.

Đối với các lĩnh vực đầu tư không có xây dựng, cho đến nay vẫn chưa có nhiều văn bản pháp lý quy định về suất đầu tư cụ thể. Thực tế làm việc với một số cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư cho thấy, các cơ quan này sẽ có các hướng dẫn về suất đầu tư hoặc mức đầu tư cần thiết áp dụng cho từng khu vực, tùy từng thời điểm cụ thể. Theo đó, kinh nghiệm chung khi chưa thể xác định suất vốn đầu tư áp dụng tại địa

bàn dự kiến, nhà đầu tư nên liên hệ trước với cơ quan quản lý đầu tư địa phương để được hướng dẫn cụ thể về suất đầu tư theo chính sách đầu tư sở tại (nếu áp dụng), cũng như nhận được các gợi ý khi cân nhắc tổng vốn đầu tư của dự án (nếu có thể).

Tác động của suất đầu tư trong hoạt động đầu tư và thực tiễn

Ở những giai đoạn trước, theo Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT năm 2015 và trước đó là Quyết định 1088/QĐ-BKH năm 2006 (đều đã hết hiệu lực), nhà đầu tư không phải trình bày về suất đầu tư trong hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư tại cơ quan quản lý đầu tư. Yêu cầu này chỉ xuất hiện kể từ khi Luật Đầu tư 2020 được áp dụng, trong đó quy định điều kiện về suất đầu tư trên một diện tích đất khi xem xét cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (khoản 2 Điều 38 Luật Đầu tư 2020). Nội dung này được cụ thể hóa bằng các mẫu văn bản đề xuất thực hiện dự án đầu tư ban hành cùng Thông tư 03/2021/TT-BKHĐT ngày 9-4-2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư mà nhà đầu tư hiện nay cần trình nộp để được cấp phép đầu tư cho một dự án mới trên tinh thần Luật Đầu tư 2020.

Các quy định nói trên dẫn tới việc khi xem xét hồ sơ đăng ký đầu tư, cơ quan đăng ký

đầu tư, bên cạnh các yếu tố khác như quyền sử dụng địa điểm, quy hoạch điều kiện tiếp cận thị trường, ngành nghề kinh doanh... cũng sẽ kiểm tra, đánh giá liệu đề xuất mức vốn đầu tư cho dự án có phù hợp với suất đầu tư áp dụng tại địa bàn hay không (nếu áp dụng) (Điều 38 Luật Đầu tư 2020). Đã có những trường hợp nhà đầu tư được hướng dẫn xem xét nâng mức vốn đầu tư để phù hợp với chỉ tiêu vốn đầu tư yêu cầu áp dụng tại địa bàn. Thậm chí nhiều hồ sơ đăng ký bị từ chối vì lý do mức vốn đầu tư chưa phù hợp.

Nhìn chung, với việc nhà làm luật đặt ra cơ chế rà soát về suất đầu tư khi cấp phép dự án mới, nhà đầu tư sẽ cần phải bước qua thêm một ngưỡng cửa để dự án có thể chính thức được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Điều này có thể mang đến cho các dự án đầu tư trên cùng địa bàn một dáng vẻ đồng đều, khi vốn đầu tư vào các dự án này bắt buộc phải đạt đến một mức nào đó mà cơ quan quản lý nhà nước cho là phù hợp với địa bàn đó. Nếu song hành với mức đầu tư do pháp luật quy định, nhà đầu tư có thể bảo đảm được năng lực kinh doanh tương ứng, đó sẽ là một bước phát triển rất tích cực trong việc thực hiện chủ trương khuyến khích đầu tư.

Tuy vậy, ở một khía cạnh khác, vốn đầu tư của dự án

không phải là điều mà nhà đầu tư có thể chủ động trong mọi trường hợp. Bên cạnh mong muốn của nhà đầu tư, vốn đầu tư về cơ bản còn tùy thuộc vào nhiều nhân tố khách quan và chủ quan như kế hoạch kinh doanh, năng lực tài chính, quản lý chi phí,... Thực tế, nhiều nhà đầu tư cảm thấy khá bối rối khi đã quyết định lựa chọn một địa bàn để thực hiện dự án đầu tư với mức vốn theo kế hoạch, nhưng đến khi làm thủ tục cấp phép hoặc khi tham khảo ý kiến cơ quan nhà nước sở tại lại được cho biết rằng mức vốn đăng ký của họ là chưa phù hợp để được chấp thuận dù ngành nghề kinh doanh không yêu cầu phải có mức vốn pháp định tối thiểu. Phải hiểu rằng tổng mức đầu tư thực tế của dự án không chỉ bao gồm chi phí đầu tư xây dựng, mà còn gồm nhiều khoản mục khác như chi phí lao động, vốn lưu động, máy móc thiết bị, tiền thuê mặt bằng,... Như vậy, con số cuối cùng có thể cao hơn rất nhiều so với dự tính ban đầu của nhà đầu tư.

Tình thế này đặt ra những lựa chọn sau đây: (1) Nhà đầu tư

buộc phải dàn xếp được mức vốn đầu tư phù hợp với yêu cầu về suất đầu tư, hoặc (2) phải lựa chọn địa bàn khác, hoặc (3) thậm chí phải từ bỏ kế hoạch đầu tư. Một cách lạc quan, việc này sẽ giúp lọc bớt những nhà đầu tư không nghiêm túc hoặc nhà đầu tư nhỏ lẻ, không phù hợp với quy hoạch phát triển địa phương. Tuy nhiên, đây cũng có thể được xem là một trong những thách thức lớn nhất khiến nhà đầu tư không thể thực hiện được kế hoạch đầu tư tại Việt Nam, khiến dòng vốn đầu tư bị ngưng trệ. Một câu hỏi khác cũng được đặt ra: sẽ thế nào nếu như một dự án có hiệu quả tác động tích cực lớn tới kinh tế, xã hội (ví dụ như phát triển công nghệ, kỹ thuật hiện đại, tiềm năng đóng góp xã hội lớn...), nhưng chỉ có dòng vốn ban đầu khiêm tốn và không đạt được chỉ tiêu suất đầu tư được áp dụng?

Tổng quan về suất đầu tư như đề cập ở trên cho thấy đây có thể được xem là một trong những yếu tố quyết định cho việc thu hút hay cản trở đầu tư đối với các nhà đầu tư (bao gồm cả nhà đầu tư

nước ngoài), mà qua đó có thể ảnh hưởng đến bức tranh rộng hơn về chính sách thu hút đầu tư quốc gia và các cam kết quốc tế của Việt Nam về mở cửa kinh tế tùy từng thời điểm. Trong diễn biến kinh tế thế giới và tại Việt Nam đang đối diện nhiều thách thức, khó khăn, cũng như việc huy động vốn của doanh nghiệp hiện nay không còn là câu chuyện dễ dàng, một điều chắc chắn rằng suất đầu tư cụ thể áp dụng trong thời gian tới sẽ cần phải được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét và quyết định một cách phù hợp để đảm bảo đáp ứng được các mục tiêu về đầu tư và phát triển được Quốc hội và Chính phủ đặt ra.

Từ phía nhà đầu tư, việc tìm hiểu thông tin về suất đầu tư có thể áp dụng đối với dự án đầu tư của mình là động tác hết sức cần thiết của nhà đầu tư và đơn vị tư vấn (nếu có) trước khi quyết định kế hoạch đầu tư, kinh doanh phù hợp, tránh bị trì hoãn hoặc bắt buộc phải chịu thay đổi muộn màng, ngoài dự kiến.

1. Lập hóa đơn đối với hàng ủy thác xuất khẩu

Trường hợp Công ty ủy thác xuất khẩu, khi xuất hàng giao cho cơ sở nhận ủy thác thì sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ. Khi hàng hóa đã thực xuất khẩu có xác nhận của cơ quan hải quan, căn cứ vào các chứng từ đối chiếu, xác nhận về số lượng, giá trị hàng hóa thực tế xuất khẩu của cơ sở nhận ủy thác xuất khẩu, Công ty lập hóa đơn điện tử giá trị gia tăng (GTGT) để kê khai nộp thuế, hoàn thuế GTGT hoặc hóa đơn điện tử bán hàng.

Cục Thuế tỉnh Tây Ninh trả lời vướng mắc của Công ty Cổ phần thực phẩm TANISA tại Công văn số 3021/CTTNI-TTHT ngày 16/9/2024.

2. Xác định thuế suất thuế GTGT khi xuất hóa đơn thanh lý tài sản nhà máy

Công ty thanh lý tài sản là nhà máy gồm: quyền sử dụng đất; công trình xây dựng; máy móc, trang thiết bị thì quyền sử dụng đất sau khi trừ giá đất được trừ để tính thuế GTGT và công trình xây dựng thuộc hoạt động kinh doanh bất động sản nên không được giảm thuế GTGT theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP mà áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10%; máy móc, trang thiết bị áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8%.

Cục Thuế tỉnh Kiên Giang trả lời vướng mắc của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Kiên Giang tại Công văn số 1467/CTKGI-TTHT ngày 16/9/2024.

3. Xuất hóa đơn GTGT đối với khoản tiền gửi có kỳ hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn của Công ty được xem là hoạt động cho vay riêng lẻ của người nộp thuế không phải là tổ chức tín dụng. Do vậy, lãi tiền gửi ngân

hàng có kỳ hạn được xác định là doanh thu thuộc dịch vụ không chịu thuế GTGT.

Trường hợp Công ty có gửi tiền tiết kiệm có kỳ hạn cho ngân hàng và được trả lãi định kỳ hàng quý thì Công ty phải lập hóa đơn cho ngân hàng đối với dịch vụ gửi tiền tiết kiệm có kỳ hạn; Thời điểm lập hóa đơn là thời điểm ngân hàng phải trả lãi cho đơn vị theo hợp đồng.

Cục Thuế tỉnh Bình Định trả lời vướng mắc của Công ty TNHH Đức Hải tại Công văn số 3332/CTBDI-TTHT ngày 13/9/2024.

4. Kê khai tính thuế thu nhập cá nhân của lao động nước ngoài

Trường hợp người nộp thuế có phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước thì phải thực hiện đăng ký thuế và được cơ quan thuế cấp mã số thuế. Tổ chức chi trả thu nhập chi trả thu nhập từ tiền lương, tiền công thực hiện đăng ký thuế cho người lao động theo quy định Thông tư số 105/2020/TT-BTC.

Trường hợp Công ty trả tiền lương, tiền công cho cá nhân là người nước ngoài làm việc thì Công ty căn cứ vào thời gian làm việc tại Việt Nam của người lao động ghi trên Hợp đồng hoặc văn bản cử sang làm việc tại Việt Nam để tạm khấu trừ thuế theo Biểu lũy tiến từng phần (đối với cá nhân có thời gian làm việc tại Việt Nam từ 183 ngày trong năm tính thuế) hoặc theo Biểu thuế toàn phần (đối với cá nhân có thời gian làm việc tại Việt Nam dưới 183 ngày trong năm tính thuế). Căn cứ tính thuế đối với thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 7 của Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Trung tâm chứng nhận Phù hợp tại Công văn số 47288/CTHN-TTHT ngày 21/8/2024.

1. Đề nghị bổ sung doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp 18%

Hiệp hội Bất động sản TP. Hồ Chí Minh (HoREA) đề nghị bổ sung doanh nghiệp nhỏ và vừa có tổng doanh thu năm từ trên 50 tỷ đồng đến không quá 300 tỷ đồng được áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp 18%.

Lý giải về đề xuất trên, ông Lê Hoàng Châu, Chủ tịch HoREA cho hay, nước ta có khoảng 920.000 doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp nhỏ và vừa giữ vị trí rất quan trọng trong nền kinh tế do chiếm đến 98% tổng số doanh nghiệp, mà đa số là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, đóng góp khoảng 40% GDP, khoảng 30% nguồn thu ngân sách nhà nước và sử dụng trên 50% lực lượng lao động nên Quốc hội đã ban hành Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017 và Chính phủ cũng đã có Nghị định 39/2018/NĐ-CP quy định chi tiết cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tại khoản 1 Điều 10 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định “1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng có thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp”, nên khoản 2 Điều 10 “Dự thảo Luật” cần được bổ sung quy định “doanh nghiệp vừa” cũng được áp dụng “mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường”.

Bên cạnh đó, theo ông Châu tại điểm a khoản 2 Điều 10 “Dự thảo Luật” quy định “thuế suất 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng”, trong đó đã có đối tượng là “doanh nghiệp siêu nhỏ” hoạt động “trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp,



(Ảnh minh họa)

thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng” và tại điểm b khoản 2 Điều 10 “Dự thảo Luật” quy định “thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 3 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng”, trong đó đã có đối tượng là “doanh nghiệp siêu nhỏ” hoạt động “trong lĩnh vực nông thương mại, dịch vụ” và “doanh nghiệp nhỏ” hoạt động “trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng”.

Nhưng khoản 2 Điều 10 “Dự thảo Luật” chưa quy định chính sách thuế suất phù hợp để áp dụng đối với “doanh nghiệp nhỏ” hoạt động “trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ” có “tổng doanh thu năm không quá 100 tỷ đồng” hoặc đối với các “doanh nghiệp vừa” có “tổng doanh thu năm không quá 200 tỷ đồng” hoạt động “trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng” hoặc có “tổng doanh thu năm không quá 300 tỷ đồng” hoạt động “trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ”.

Do đó, việc áp dụng thuế suất 18% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với “doanh nghiệp nhỏ và vừa” là “doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 50 tỷ đồng đến không quá 300 tỷ đồng” là hợp tình hợp lý và phù hợp thực tiễn.

Theo stockbiz.vn

2. Đề xuất nghỉ tết Nguyên đán Ất Ty 9 ngày

Ngày 17/9/2024, Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội cho biết đã hoàn thiện dự thảo phương án nghỉ tết Nguyên đán Ất Ty 2025 và đang lấy ý kiến các bộ, ngành.

LỊCH NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN 2025						
LỊCH THÁNG 1-2 NĂM 2025						
Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
13 14/12 AL	14 15/12 AL	15 16/12 AL	16 17/12 AL	17 18/12 AL	18 19/12 AL	19 20/12 AL
20 21/12 AL	21 22/12 AL	22 23/12 AL	23 24/12 AL	24 25/12 AL	25 26/12 AL Nghỉ hàng tuần	26 27/12 AL Nghỉ hàng tuần
27 28/12 AL Nghỉ 18h	28 29/12 AL Nghỉ 18h	29 1/1 AL Nghỉ 18h	30 2/1 AL Nghỉ 18h	31 3/1 AL Nghỉ 18h	1/2 4/1 AL Nghỉ hàng tuần	2 5/1 AL Nghỉ hàng tuần
3 6/1 AL	4 7/1 AL	5 8/1 AL	6 9/1 AL	7 10/1 AL	8 11/1 AL	9 12/1 AL

Người lao động có thể sẽ được nghỉ tết Nguyên đán 2025 nhiều hơn 2 ngày so với năm 2024.

Theo đó, thay vì đưa ra một số phương án nghỉ tết, lần này Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội chỉ đề xuất 1 phương án duy nhất là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được nghỉ 5 ngày theo quy định, trong đó nghỉ 2 ngày trước tết và 3 ngày sau tết. Do lịch nghỉ tết năm

nay rơi vào đầu tuần đến cuối tuần nên người lao động sẽ có thêm 4 ngày nghỉ cuối trước và sau 05 ngày nghỉ tết.

Cụ thể, công chức, viên chức nghỉ tết Nguyên đán năm 2025 từ thứ bảy, ngày 25/01/2025 đến hết chủ nhật, ngày 02/02/2025 (tức ngày 26 tháng chạp năm Giáp Thìn đến hết ngày mùng 5 tháng giêng năm Ất Ty).

Với phương án này, dịp nghỉ tết Nguyên đán Ất Ty công chức, viên chức sẽ được nghỉ 9 ngày (bao gồm 5 ngày nghỉ tết và 4 ngày nghỉ hàng tuần).

Tết nguyên đán các năm 2022 và 2023, người lao động đều được nghỉ 7 ngày. Như vậy, nếu phương án trên được thông qua, người lao động sẽ có một kỳ nghỉ tết Nguyên đán dài hơn so với các năm trước là 2 ngày.

Theo thanhnien.vn

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
CHÍNH PHỦ			
1	Nghị định 112/2024/NĐ-CP quy định chi tiết về đất trồng lúa.	11/9/2024	11/9/2024
2	Nghị định 111/2024/NĐ-CP quy định hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng	06/9/2024	01/11/2024
3	Nghị định 109/2024/NĐ-CP quy định mức thu lệ phí trước bạ với ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc được sản xuất, lắp ráp trong nước	29/8/2024	01/9/2024
4	Nghị định 108/2024/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.	23/8/2024	15/10/2024
5	Nghị định 106/2024/NĐ-CP quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.	01/8/2024	20/9/2024
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ			
1	Công điện 92/CD-TTg về việc tập trung khắc phục hậu quả bão số 3 và mưa lũ sau bão.	10/9/2024	10/9/2024
BỘ TÀI CHÍNH			
1	Quyết định 2127/QĐ-BTC về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	11/9/2024	11/9/2024
BỘ XÂY DỰNG			
1	Thông tư 09/2024/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.	30/8/2024	15/10/2024
2	Quyết định 816/QĐ-BXD về công bố Suất vốn đầu tư xây dựng và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2023.	22/8/2024	22/8/2024
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM			
	Thông tư 44/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 Thông tư 16/2019/TT-NHNN quy định về phát hành tín phiếu Ngân hàng Nhà nước.	30/8/2024	23/10/2024
TỔNG CỤC THUẾ			
1	Công văn 4062/TCT-CS về việc hướng dẫn các giải pháp hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp bị tổn thất do Bão số 3 và mưa lũ sau bão.	13/9/2024	13/9/2024



GLOBAL VIETNAM
LAWYERS

LIÊN HỆ VỚI CHÚNG TÔI

info@gvlawyers.com.vn

Trụ sở chính – TP. HCM

Tầng 8, Tòa nhà Centec
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +84 (28) 3622 3555

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 10A, Tòa nhà CDC
25 Lê Đại Hành
Quận Hai Bà Trưng
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 (24) 3208 3555

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 3, Tòa nhà Indochina
Riverside, 74 Bạch Đằng
Quận Hải Châu
Đà Nẵng, Việt Nam
Tel: +84 (28) 3622 3555

Nội dung của Bản tin này không phải là tư vấn pháp lý và cũng không thể hiện ý kiến của chúng tôi hoặc của bất cứ luật sư hay chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Bản tin này cung cấp các thông tin chung và những thông tin này có thể chưa đầy đủ hoặc chưa được cập nhật kịp thời tại thời điểm được đọc. Nội dung này cũng không nhằm sử dụng như phần hỗ trợ thêm cho các ý kiến tư vấn và quan điểm pháp lý của chúng tôi. Vui lòng tìm kiếm các ý kiến tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác phù hợp với những vấn đề mà bạn gặp phải. Chúng tôi, GV Lawyers, tuyên bố rõ ràng là sẽ không chịu trách nhiệm về những hành động hoặc không hành động dựa trên bất kỳ hoặc toàn bộ nội dung của Bản tin này.

www.gvlawyers.com.vn

